

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2025
V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Lài

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Sơn Tây;

2/ Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1968; nơi cư trú: số 059, tổ 2, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn H, sinh năm 1967; địa chỉ: số 0117A, tổ 2, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/4/2025); có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1969; nơi cư trú: số 059, tổ 2, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Thái D, sinh năm 1974; nơi cư trú: số 49, đường Phan Bội Châu, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị Thái T, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ 3, ấp T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Thái T từng là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyền số 03 ngày 24/9/1993, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh). Khi ly hôn, Tòa án chưa giải quyết tài sản.

Năm 2024, ông T khởi kiện yêu cầu chia tài sản gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 353m² (đo đạc thực tế là 347,1m²) thuộc thửa đất số 201 tờ bản đồ số 35 tại phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00631/QSDĐ/TU ngày 17/5/1999 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà trên đất; yêu cầu Tòa án xác định xe ô tô Toyota, loại Vios G màu trắng, biển số 61A-464.45, số máy 2NRX298708, số khung 9F3X35037572 là tài sản riêng của ông T. Vụ án trên được giải quyết bằng Bản án số 103/2024/HNGĐ-ST ngày 17/9/2024 của TAND thành phố Tân Uyên và Bản án số 15/2025/HNGĐ-PT ngày 13/3/2025 của TAND tỉnh Bình Dương. Quá trình giải quyết vụ án, ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với xe ô tô nên Tòa án đã đình chỉ đối với yêu cầu này của ông T.

Do bà L và ông T không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia xe nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân là xe ô tô nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát 61A-464.45, trị giá ước tính là 400.000.000 đồng. Bà L yêu cầu được nhận 200.000.000 đồng; ông T nhận xe.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T về việc yêu cầu Tòa án chia khoản nợ 485.000.000 đồng (trong đó bà T 210.000.000 đồng; bà D 275.000.000 đồng); Bà L không đồng ý vì bà không biết khoản nợ này, không sử dụng số tiền này.

Nguyên đơn đồng ý với kết quả định giá của xe ô tô con mang nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát 61A-464.45 là 261.000.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số Vc330/2025/36 ngày 11/8/2025 của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn đầu tư và thẩm định giá LaHa, không yêu cầu định giá lại. Do đó, nguyên đơn yêu cầu nhận số tiền 130.500.000 đồng, ông T nhận xe ô tô nêu trên.

Bị đơn ông Nguyễn Thái T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà L về việc ông T với bà L từng là vợ chồng từ năm 1993, ly hôn năm 2019.

Về tài sản xe ô tô biển kiểm soát 61A-464.45: Năm 2012, ông T và bà L phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có một khoản tiền tiết kiệm 190.000.000 đồng gửi ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Tân Uyên nên ông T rút một phần là 122.245.200 đồng và vay mượn thêm của các em ruột là bà Nguyễn Thị Thái D và bà Nguyễn Thị Thái T số tiền 525.000.000 đồng (trong đó bà T 250.000.000 đồng; bà D 275.000.000 đồng) để mua chiếc xe. Năm 2019 và 2020 đã trả cho bà T được 40.000.000 đồng nên số tiền nợ còn lại là 485.000.000

đồng. Đây là tài sản riêng nên ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 20/02/2024, ông T có cầm cố tại Tiệm cầm đồ Thảo Lộc Phát vay số tiền 280.000.000 đồng, ngày 24/8/2025 ông T đã trả 290.000.000 đồng và chuộc lại xe. Hiện nay ông T là người đang quản lý, sử dụng xe ô tô này.

Ngày 13/6/2025, ông T nộp đơn phản tố yêu cầu Tòa án xác định khoản nợ 485.000.000 đồng gồm 210.000.000 đồng vay của bà T và 275.000.000 đồng vay của bà D là nợ chung.

Bị đơn đồng ý với kết quả định giá theo Chứng thư thẩm định giá số Vc330/2025/36 ngày 11/8/2025 của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn đầu tư và thẩm định giá LaHa, không yêu cầu định giá lại.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thái T trình bày:* Ông T là anh trai của bà T, gia đình có 06 anh chị em. Năm 2018, ông T hỏi mượn của bà 250.000.000 đồng để mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát 61A-464.45. Ngày 20/10/2019 và 22/11/2020, ông T trả cho bà 40.000.000 đồng rồi ngưng trả cho đến nay. Ông T một mình đến nhà bà lấy tiền. Việc bà L có biết ông T mượn tiền hay không thì bà không biết. Bà T không yêu cầu giải quyết khoản vay trên trong vụ án này.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thái D trình bày:* Ông T là anh trai của bà D. Năm 2018, ông T mượn bà số tiền 275.000.000 đồng, đây là tiền riêng của bà. Đến nay, ông T chưa trả tiền. Tại thời điểm vay tiền ông T trực tiếp một mình xuống nhà bà D lấy tiền mặt. Ông T có nói với bà L về việc vay tiền hay không thì bà không biết. Số tiền trên ông T mượn từ năm 2018 nhưng do là anh em và hiện nay ông T đang rất khó khăn nên bà chưa yêu cầu ông T trả lại. Bà D không yêu cầu giải quyết khoản vay trên trong vụ án này.

- *Người làm chứng ông Phùng Văn T trình bày:* Năm 2018, ông T có cùng với ông T đến nhà bà D mượn 275.000.000 đồng, đến nay, ông T trả tiền cho bà D hay chưa thì ông T không biết. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Hữu M trình bày:* Ông M có chứng kiến và làm chứng việc ông T mượn tiền của bà T số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 18/3/2018.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Thái T về việc yêu cầu chia tài sản chung là xe ô tô biển số 61A-464.45; đình chỉ đối với yêu cầu phản tố bị đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà L khởi kiện ông T về việc chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân là xe ô tô hiệu Toyota, biển kiểm soát 61A-464.45; ông T phản tố yêu cầu xác định 485.000.000 đồng ông vay của bà T và bà D là nợ chung. Bị đơn cư trú tại phường Tân Khánh, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 2 và 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

[1.3] Đối với xe ô tô biển số 61A-464.45, ông T có đem xe đến Dịch vụ cầm đồ Thảo Lộc Phát để cầm xe vay tiền. Ông T đã trả đủ tiền vay, nhận lại xe vào ngày 24/8/2025, không ai yêu cầu đối với Dịch vụ cầm đồ Thảo Lộc Phát, Cơ sở dịch vụ này cũng không có yêu cầu nào khác đối với đương sự của vụ án. Do đó, Cơ sở cầm đồ Thảo Lộc Phát không là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan.

[1.4] Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thái T rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia nợ chung số tiền 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) theo Giấy mượn nợ ngày 20/3/2018 giữa ông Nguyễn Thái T và bà Nguyễn Thị Thái D và ngày 18/3/2018 giữa ông Nguyễn Thái T và bà Nguyễn Thị Thái T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phần yêu cầu phản tố bị đơn đã rút.

[2] Về tài sản tranh chấp: Xe ô tô Toyota, loại Vios G màu trắng, biển số 61A-464.45, số máy 2NRX298708, số khung 9F3X35037572, được ông T mua vào năm 2018, là thời điểm còn tồn tại quan hệ hôn nhân của ông T với bà L. “*Bản cam kết*” ngày 22/02/2019 do ông T viết tay có nội D như sau: “*Tôi tên Nguyễn Thái T... Nay tôi đồng ý để tài sản gồm nhà cho bà Lê Thị L sinh năm 1968 và 02 con Nguyễn Lê Thái T, Nguyễn Lê Thái T sử dụng. Còn về phần tôi lấy chiếc xe ô tô đi. Tất cả tài sản nêu trên đều là tài sản chung của hai vợ chồng trước và sau ly hôn... Tôi Nguyễn Thái T và bà Lê Thị L trên tài sản đó không ai được bán sau này cũng không được đưa đơn nhờ Tòa chia tài sản chỉ để lại cho con có chỗ ở để sinh sống*”. Đây là tài liệu, chứng cứ và tình tiết được các bên thừa nhận, trình bày theo Bản án số 103/2024/HNGĐ-ST ngày 17/9/2024 của TAND thành phố Tân Uyên và Bản án số 15/2025/HNGĐ-PT ngày 13/3/2025 của TAND tỉnh Bình Dương. Như vậy, tại thời điểm năm 2019 ông T đã tự xác định xe ô tô nêu trên là

tài sản chung của vợ chồng. Tài sản này chưa chia nên bà L khởi kiện yêu cầu phân chia 50% giá trị chiếc xe trên là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 33, 60, 61, 62 và 64 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về giá trị tài sản tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn đầu tư và thẩm định giá LaHa tiến hành định giá tài sản. Chứng thư thẩm định giá số Vc330/2025/36 ngày 11/8/2025 của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn đầu tư và thẩm định giá LaHa giá của xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát 61A-464.45 là 261.000.000 đồng. Bà L yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị xe, giao xe cho ông T và ông T đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị L.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá là 3.240.000 đồng (ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng); nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Nguyễn Thái T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ tương ứng với số tiền 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

[8] Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí đối với giá trị phần tài sản được chia theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 106, 119, 122, 213 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 28, 29, 33, 51, 56, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thái T về việc xác định khoản nợ 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) theo Giấy mượn nợ ngày 20/3/2018 giữa ông Nguyễn Thái T và bà Nguyễn Thị Thái D và ngày 18/3/2018 giữa ông Nguyễn Thái T và bà Nguyễn Thị Thái T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đối với bị đơn

ông Nguyễn Thái T về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn:

2.1 Xác định xe ô tô nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát 61A-464.45 là tài sản chung của bà Lê Thị L và ông Nguyễn Thái T.

2.2 Chia tài sản chung của bà Lê Thị L và ông Nguyễn Thái T như sau:

Ông Nguyễn Thái T được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu đối với xe ô tô nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát 61A-464.45.

Ông Nguyễn Thái T phải thanh toán cho bà Lê Thị L 130.500.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị L phải nộp 1.620.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp (đã thực hiện xong). Ông Nguyễn Thái T phải nộp 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) đồng để hoàn trả cho bà Lê Thị L.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1 Nguyên đơn bà Lê Thị L phải chịu 3.262.500 đồng (Ba triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002519 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Trả lại cho bà Lê Thị L số tiền 1.737.500 đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

4.2. Bị đơn ông Nguyễn Thái T phải nộp 3.262.500 đồng (Ba triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001827 ngày 04/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho ông Nguyễn Thái T số tiền 8.438.000 đồng (Tám triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Lài